CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 6 **Số 36 (01/6/2007)**

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
	ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ	
07-5-2007	- Quyết định số 2061/QĐ-UBND về duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.	3
10-5-2007	- Quyết định số 2109/QĐ-UBND về ban hành Phương án Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2007 trên địa bàn thành phố.	9
10-5-2007	- Quyết định số 2125/QĐ-UBND về duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới Long Bình, quận 9.	26
10-5-2007	- Quyết định số 73/2007/QĐ-UBND về ban hành Quy định Quản lý dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét hệ thống thoát nước và kênh rạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	31

15-5-2007 - Quyết định số 74/2007/QĐ-UBND về thành lập Trung tâm Y tế Dự phòng quận 7 trực thuộc Ủy ban nhân dân quận 7. 49

15-5-2007 - Quyết định số 75/2007/QĐ-UBND về thành lập Bệnh viện quận 7 trực thuộc Ủy ban nhân dân quận 7. 53

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 2

04-5-2007 - Nghị quyết số 10/2007/NQ-HĐND về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của quận 2 và các phường Bình An, Bình Khánh, An Phú, Thảo Điền, Bình Trưng Đông, Bình Trưng Tây, Thạnh Mỹ Lợi, Cát Lái (trừ phường An Lợi Đông, An Khánh, Thủ Thiêm thuộc dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm). 57

04-5-2007 - Nghị quyết số 11/2007/NQ-HĐND về quy hoạch các ngành nghề kinh doanh vũ trường, karaoke, quán bar, dịch vụ xoa bóp và cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn quận 2 đến năm 2010. 59

THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2061/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 5 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH
Về duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2005/TT-BXD ngày 13 tháng 10 năm 2005 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch - xây dựng;

Xét nội dung hồ sơ Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 3, thành phố Hồ Chí Minh do Viện Quy hoạch xây dựng thành phố lập;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Công văn số 398/TTr-SQHKT ngày 02 tháng 02 năm 2007 về phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 3, thành phố Hồ Chí Minh do Viện Quy hoạch xây dựng thành phố lập,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 3 với các nội dung chính như sau: (đính kèm hồ sơ lập nhiệm vụ quy hoạch chung).

1. Vị trí giới hạn và phạm vi quy hoạch:

1.1. Vị trí giới hạn: Khu đất quy hoạch có các mặt giáp giới như sau:

- Phía Đông Nam : giáp quận 1 qua đường Nguyễn Thị Minh Khai

- Phía Đông Bắc : giáp quận 1 qua đường Hai Bà Trưng

- Phía Tây Nam : giáp quận 10 qua đường Cách Mạng Tháng 8

- Phía Tây Bắc : giáp quận Phú Nhuận và quận Tân Bình.

1.2. Quy mô diện tích và dân số nghiên cứu:

- Quy mô diện tích đất quy hoạch điều chỉnh mới: 492,88ha, so với diện tích đất quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 6788/QĐ-UB-QLĐT ngày 18 tháng 12 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố là 485,9ha; chênh lệnh 6,98ha.

- Dân số hiện trạng: Năm 2005: 200.262 người

- Dân số dự kiến: Năm 2010: 210.000 - 213.000 người

Năm 2015: 216.000 - 218.000 người

Năm 2020: 200.000 - 220.000 người.

1.3. Lý do điều chỉnh:

- Đồ án quy hoạch chung quận 3 đến năm 2020 đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt vào tháng 12 năm 1998, quá trình thực hiện quy hoạch cho đến nay có nhiều thay đổi. Do vậy, cần điều chỉnh quy hoạch nhằm khắc phục một số dự án giao thông không khả thi cũng như một số khu chức năng không còn phù hợp.

- Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 3 nhằm phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay cũng như định hướng phát triển cho những năm tiếp theo.

- Quận 3 có một phần diện tích thuộc Khu Trung tâm thành phố do vậy cần điều chỉnh cho phù hợp và định hướng tới Khu Trung tâm thành phố đã được xác định trong nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng thành phố đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1570/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2006.

2. Tính chất chức năng quy hoạch:

Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 3 đến năm 2020 được xác định là: một phần thuộc Khu Trung tâm thành phố, khu dân dụng, thương mại - dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp.

- Khu Trung tâm thành phố: cùng với quận 1, 2, 4 và Bình Thạnh, một số khu vực của quận 3 có chức năng là Trung tâm thành phố về mặt chính trị, hành chính, văn hóa và giao dịch quốc tế.

- Khu ở đô thị: Khu dân cư hiện hữu và xây dựng mới với hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

3. Định hướng quy hoạch:

Hướng phát triển không gian đô thị quận 3 phân thành 3 khu vực như sau:

▪ *Khu I*: Giới hạn bởi các đường Nguyễn Thị Minh Khai, Hai Bà Trưng, Lý Chính Thắng, Cách Mạng Tháng 8.

- Diện tích: 189,4ha chiếm 38,4% diện tích toàn quận.

- Dự kiến quy mô dân số: 39.000 - 50.000 người.

- Chức năng: Khu trung tâm tài chính, trung tâm thương mại dịch vụ, dịch vụ du lịch, giao dịch trong nước và quốc tế, khu vực tập trung các công trình công cộng cấp Trung ương và thành phố; khu trung tâm hành chính quận được bố trí trong khu vực này; khu dân cư cao cấp thấp tầng, mật độ thấp. Khu vực này kế cận hai công viên cấp thành phố là Lê Văn Tám và Tao Đàn. Do vậy không bố trí các công viên tập trung mới mà chủ yếu là cây xanh cảnh quan đường phố.

▪ *Khu II*: Giới hạn bởi các trục đường Điện Biên Phủ, Cách Mạng Tháng 8, Nguyễn Thị Minh Khai, Lý Thái Tổ, Nguyễn Thượng Hiền.

- Diện tích: 101,5ha chiếm 20,6% diện tích toàn quận.

- Dự kiến quy mô dân số: 75.000 người.

- Chức năng: Khu dân cư và thương mại; các công trình công cộng phúc lợi xen kẽ trong khu dân cư; công viên cây xanh được dự kiến trong khu vực phường 1 khi khu chung cư Nguyễn Thiện Thuật, hiện đã xuống cấp, có kế hoạch xây dựng lại và mở rộng.

▪ *Khu III*: Giới hạn bởi các trục đường Hai Bà Trưng, Lý Chính Thắng, Cách Mạng Tháng 8, ranh quận Phú Nhuận, Tân Bình.

- Diện tích: 201,9ha chiếm 41,0% diện tích toàn quận.

- Dự kiến quy mô dân số: 86.000 - 95.000 người.

- Chức năng: Khu dân cư trung tâm thương mại quy mô lớn được dự kiến trong tương lai tại khu vực quảng trường trước Ga Sài Gòn và trục đường Cách Mạng Tháng 8 khi hình thành nhà ga đầu mối đường sắt đô thị. Các dự án cải tạo môi trường và chỉnh trang đô thị được tập trung ở khu vực này do tập trung nhiều khu nhà ở lụp xụp, môi trường ô nhiễm. Công trình phúc lợi công cộng xen lẫn trong khu dân cư, cải tạo cảnh quan công viên hai bờ kênh Nhiêu Lộc, kết hợp các dự án chỉnh trang đô thị để bổ sung các công viên tập trung.

4. Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật:

4.1. Chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc chủ yếu đến năm 2020:

+ Dân số quy hoạch: 200.000 - 220.000 người

+ Đất dân dụng: 20 - 24m^2/ng

• Đất ở: 10 - 12m^2/ng

• Đất CTCC - thương mại dịch vụ: 3,5 - 5m^2/ng

• Đất công viên cây xanh - TDTT: 0,5 - 0,6m^2/ng

• Đất giao thông: 5,5 - 7,0 m^2/ng.

+ Chỉ tiêu về xây dựng các khu nhà ở hiện hữu chỉnh trang.

• Tầng cao tối thiểu:

Nhà ở: 2 tầng

Chung cư: 9 tầng

• Mật độ xây dựng: 40 - 50%

• Hệ số sử dụng đất: 2,5 - 3

4.2. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

* Giao thông:

• Diện tích giao thông dự kiến chiếm: 25 - 27% tổng diện tích

* Chuẩn bị kỹ thuật:

• Cao độ xây dựng: ≥ 2,0 m (cao độ chuẩn Hòn Dấu)

• Độ dốc nền đắp:

Khu công trình công cộng và khu nhà ở: ≥ 0,4%

Khu công viên - cây xanh: ≥ 0,3%

* Cấp điện:

Điện sinh hoạt dân dụng: 2.500 - 3.000 KWh/ng/năm

* Cấp nước:

Sinh hoạt: 200 lít/ng/ngày đêm

* Thoát nước bẩn:

Sinh hoạt: 200 lít/ng/ngày đêm

* Vệ sinh đô thị:

Rác sinh hoạt: 1 - 1,2 kg/ng/ngày

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

5.1. Hệ thống giao thông:

- *Giao thông đối ngoại*: bao gồm đường Cách Mạng Tháng 8, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Võ Thị Sáu, Nguyễn Thị Minh Khai.

Điều chỉnh một số tuyến giao thông so với quy hoạch chung duyệt năm 1998:

* Tuyến đường Bắc Nam trong quy hoạch chi tiết sẽ được thay thế bằng tuyến đường trên cao Nhiêu Lộc - Thị Nghè.

* Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa giảm lộ giới từ 35m xuống còn 30m.

- *Giao thông đô thị*: xem xét đánh giá các tuyến đường quy hoạch đã duyệt trước đây theo hướng giữ lại hoặc điều chỉnh và bổ sung một số trục đường có tính khả thi.

- *Đầu mối giao thông và bến bãi*: xác định các nút giao thông chính cần cải tạo, khống chế, một số bến bãi xe khu vực. Duy trì ga Sài Gòn (Hòa Hưng) là ga đầu mối đường sắt đô thị.

- *Hệ thống đường sắt đô thị*: có một tuyến tàu điện ngầm từ chợ Bến Thành theo đường Cách Mạng Tháng 8 đến kênh Tham Lương (quận 12) có kết nối với ga Sài Gòn. Đây là tuyến giao thông công cộng có khối lượng lớn.

5.2. Hệ thống cấp nước:

Sử dụng nguồn nước máy thành phố, chủ yếu dựa vào hệ thống cấp nước Nhà máy Thủ Đức đưa về với tuyến ống cấp nước D1050 trên đường Võ Thị Sáu, tuyến ống cấp nước D400 trên đường Cách Mạng Tháng 8.

5.3. Hệ thống thoát nước:

Sử dụng hệ thống cống thoát nước chung, xây dựng giếng ngăn tràn tách nước thải bẩn vào tuyến cống bao dọc theo kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè về nhà máy xử lý nước thải cơ học (bơm) đặt tại ngã ba rạch Văn Thánh - rạch Thị Nghè (quận Bình Thạnh).

5.4. Chuẩn bị kỹ thuật:

- Cao độ xây dựng chọn ≥ 2,0m (theo cao độ Quốc gia Hòn Dấu).

- Khuyến cáo nâng dần nền đường, nền công trình theo cao độ xây dựng chọn.

- Phân chia lưu vực, tính toán kiểm tra và đề xuất giải pháp giải quyết ngập triệt để.

5.5. Hệ thống cấp điện:

- Quận 3 được cấp điện từ trạm 110/15-22KV Xa lộ, trạm 110/15-22KV Tân Định.

- Lưới điện trung hạ thế cải tạo sẽ thay dần bằng cáp ngầm, lưới trung hạ thế xây

dựng mới dùng cáp đi ngầm.

6. Một số vấn đề cần nghiên cứu khi lập quy hoạch chung:

- Quận 3 sẽ là một phần của Khu Trung tâm thành phố, do vậy cần nghiên cứu xác định cụ thể chức năng của Khu Trung tâm thành phố; cần dành đất và có kế hoạch triển khai cụ thể các công trình thể hiện chức năng của Khu Trung tâm thành phố.

- Trong định hướng phát triển đô thị cho giai đoạn ngắn hạn cần nghiên cứu, đánh giá kỹ hiện trạng để có giải pháp khoét lõm hoặc sử dụng các nhà xưởng di dời để xây dựng các khu nhà ở chung cư cao tầng nhằm giảm mật độ xây dựng, tăng đất công viên cây xanh, công trình công cộng nhằm từng bước cải thiện các chỉ tiêu về công viên cây xanh, công trình công cộng trong tương lai.

- Cần phối hợp với Sở Giao thông - Công chính để cập nhật các dự án giao thông có ảnh hưởng đến khu vực điều chỉnh quy hoạch để có phương án tổ chức không gian kiến trúc phù hợp. Đồng thời chú trọng tổ chức giao thông công cộng và giao thông tĩnh.

- Cần nghiên cứu thiết kế đô thị đối với các tuyến đường chính như: Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Nguyễn Thị Minh Khai, Điện Biên Phủ, Võ Thị Sáu, Cách Mạng Tháng 8. Khi kết hợp với tuyến Metro từ chợ Bến Thành đến kênh Tham Lương, quận 12.

Điều 2. Trên cơ sở nội dung Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng được duyệt, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận 3 và Viện Quy hoạch xây dựng triển khai thực hiện nghiên cứu đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 3 và trình duyệt theo quy định.

Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận 3 xác lập ranh đất quy hoạch, thực hiện tốt quản lý đất trong phạm vi quy hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 3, Viện trưởng Viện Quy hoạch xây dựng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2109/QĐ-UBND	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2007*

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Phương án Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2007 trên địa bàn thành phố

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 26 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 187/2006/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Phương án Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2007 để áp dụng thống nhất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Cục trưởng Cục Thống kê, Thủ trưởng các sở - ban - ngành, đoàn thể thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2007 thành phố và Ban Chỉ đạo Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2007 các quận - huyện, phường - xã, thị trấn thuộc thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH/TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO
TỔNG ĐIỀU TRA CSKT - HCSN NĂM 2007

Nguyễn Trung Tín

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN TỔNG ĐIỀU TRA CƠ SỞ KINH TẾ, HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP NĂM 2007 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2109/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Căn cứ Phương án Tổng điều tra của Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp thành phố Hồ Chí Minh cụ thể hóa Phương án Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh như sau:

I. Mục đích tổng điều tra:

Tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp (sau đây gọi tắt là tổng điều tra cơ sở kinh tế) nhằm thu thập những thông tin cơ bản về số cơ sở kinh tế, số lượng, trình độ của lực lượng lao động đang làm việc trong các cơ sở kinh tế; kết quả hoạt động; mức độ ứng dụng công nghệ thông tin; sự phân bố các cơ sở kinh tế, phân bố lực lượng lao động theo từng ngành kinh tế, theo địa bàn, theo cấp hành chính (phường - xã, thị trấn, quận - huyện, thành phố và cả nước). Những thông tin trên sẽ được tổng hợp thành nhiều chỉ tiêu thống kê phục vụ các yêu cầu sau:

1. Đánh giá, kiểm điểm giữa kỳ một số mục tiêu quan trọng trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VIII; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các quận - huyện, phường - xã, thị trấn trên địa bàn thành phố.

2. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách quản lý, kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành, vùng, phát triển cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách hành chính trên địa bàn.

3. Biên soạn một số chỉ tiêu thống kê tổng hợp của thành phố và cả nước;

4. Cung cấp dàn mẫu tổng thể phục vụ các cuộc điều tra chọn mẫu của ngành thống kê và yêu cầu xây dựng hệ thống thông tin bản đồ địa lý (GIS) về các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp.

II. Đơn vị điều tra:

Đơn vị điều tra trong tổng điều tra này là **"cơ sở kinh tế"** với định nghĩa cơ sở kinh tế là:

1. Nơi trực tiếp diễn ra hoạt động kinh tế (hoạt động sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ) hoặc hoạt động quản lý hành chính, sự nghiệp, hoạt động của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức tôn giáo, tín ngưỡng...);

2. Có chủ thể quản lý hoặc người chịu trách nhiệm thực hiện công việc tại đó;

3. Có địa điểm xác định;

4. Có thời gian hoạt động liên tục hoặc định kỳ (theo mùa vụ hoặc theo tập quán kinh doanh...).

Trên thực tế, cơ sở kinh tế (đơn vị điều tra) có thể là doanh nghiệp, nhà máy, xí nghiệp, xưởng sản xuất, nhà hàng, cửa hàng, ki-ốt bán hàng, khách sạn, các hộ sản xuất kinh doanh cá thể, nhà ga, bến cảng,... hoặc cũng có thể là cơ quan Nhà nước như Ủy ban nhân dân các cấp, Hội đồng nhân dân các cấp, các sở - ban - ngành, các cơ quan Đảng, đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp như các trường đại học, các trường phổ thông, Trung tâm, Viện nghiên cứu khoa học, bệnh viện, trạm y tế, trường mẫu giáo, nhà trẻ..., hoặc các tổ chức xã hội, các tổ chức nghề nghiệp, các cơ sở tôn giáo như nhà thờ, đền, chùa...

III. Phạm vi, đối tượng điều tra:

1. Phạm vi điều tra:

1.1. Bao gồm các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp đang hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Theo ngành kinh tế, tổng điều tra thu thập thông tin từ các cơ sở hoạt động trong hầu hết các ngành kinh tế quốc dân, kể từ ngành "Khai khoáng" đến ngành "Hoạt động làm thuê các công việc gia đình" (theo Hệ thống ngành kinh tế quốc dân ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ). Riêng khối doanh nghiệp, phạm vi điều tra bao gồm cả các cơ sở hoạt động trong các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

Loại trừ:

- Các hợp tác xã nông nghiệp, các hộ sản xuất kinh doanh cá thể thuộc ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đã điều tra trong Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2006;

- Các cơ sở thuộc đoàn ngoại giao và các Đại sứ quán nước ngoài đang hoạt động trên địa bàn thành phố.

- Các cơ sở kinh tế đã ngừng hoạt động, đang chờ quyết định giải thể, phá sản hoặc ngừng lâu dài để chuyển hướng hoạt động sang ngành nghề khác;

- Chỉ lập danh sách, không tiến hành điều tra đối với các đơn vị cá thể hoạt động vận tải không có bến bãi (xe ôm, xích lô, xe lôi…), sửa chữa, xây dựng không có địa điểm giao dịch, buôn chuyến, bán hàng rong, cho thuê bất động sản, các cơ sở sản xuất kinh doanh theo mùa vụ tại thời điểm điều tra chưa đến hoặc đã qua thời vụ nhưng cơ sở vẫn có người quản lý;

- Các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp thuộc ngành quốc phòng, an ninh do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (tổ chức tiến hành điều tra riêng, theo ngành dọc của từng ngành).

2. Đối tượng điều tra:

2.1. Đối với khối sản xuất kinh doanh, đối tượng điều tra là:

a) Doanh nghiệp đơn (không có chi nhánh);

b) Trụ sở chính của doanh nghiệp (trong trường hợp doanh nghiệp có ít nhất 1 chi nhánh đóng ở địa điểm khác với trụ sở chính);

c) Chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của doanh nghiệp (kể cả trường hợp chi nhánh được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, hoặc là chi nhánh khác địa điểm do khuôn viên của trụ sở chính của doanh nghiệp chật hẹp). Cụ thể, các chi nhánh của doanh nghiệp bao gồm các chi nhánh trực tiếp, các chi nhánh cấp 2, cấp 3…, văn phòng đại diện (kể cả các văn phòng đại diện của các doanh nghiệp nước ngoài); các cơ sở sản xuất kinh doanh do các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp quản lý (không thành lập doanh nghiệp);

d) Địa điểm sản xuất kinh doanh: phân xưởng sản xuất ra thành phẩm hoặc phân xưởng là một đơn vị phụ trợ (chỉ tham gia 1 công đoạn trong 1 dây chuyền sản xuất; ví dụ như phân xưởng cắt của một xí nghiệp may);

đ) Kho hàng, bến, bãi để hàng có người quản lý;

e) Điểm bán hàng, cửa hàng, quầy hàng có địa điểm riêng (ngoài trụ sở chính) của công ty hoặc cửa hàng chính;

g) Các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể.

2.2. Đối với khối cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, đối tượng điều tra là:

a) Các cơ quan Nhà nước, các cơ quan của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cấp Trung ương, địa phương;

b) Các đơn vị sự nghiệp;

c) Các cơ quan của các tổ chức xã hội nghề nghiệp;

d) Các cơ quan của các tổ chức xã hội;

đ) Các cơ sở hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng;

e) Các chi nhánh, đơn vị trực thuộc của các cơ quan, tổ chức trên.

"Chi nhánh, đơn vị trực thuộc" trong khối này gồm:

- Cơ sở, chi nhánh khác địa điểm: là cơ sở thuộc hệ thống tổ chức, quản lý của một cơ quan, nhưng do địa điểm của cơ quan chật hẹp nên phải đóng ở nơi khác.

- Các đơn vị trực thuộc có thể đóng tại cùng một địa điểm với cơ quan chủ quản hoặc không cùng địa điểm với cơ quan chủ quản (cùng hệ thống tổ chức, quản lý của một cơ quan chủ quản), nhưng khác cơ quan chủ quản về loại hình hoạt động, có tổ chức kế toán riêng (ví dụ: các đơn vị sự nghiệp như Trung tâm, Viện nghiên cứu, Tạp chí, Báo... của cơ quan Nhà nước; các phòng, ban chuyên môn của Ủy ban nhân dân quận - huyện có kế toán riêng).

IV. Nội dung điều tra:

1. Nội dung điều tra bao gồm các nhóm chỉ tiêu chính như sau:

a) Nhóm thông tin nhận dạng cơ sở:

- Tên cơ sở;

- Địa chỉ;

- Mã số thuế hoặc mã số ngân sách;

- Ngành hoạt động, sản xuất kinh doanh chính (theo Hệ thống ngành kinh tế quốc dân ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ);

- Loại hình cơ sở (doanh nghiệp và cơ sở phụ thuộc doanh nghiệp; cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể; cơ quan Nhà nước; Đảng, đoàn thể, hiệp hội, các đơn vị sự nghiệp...).

b) Những thông tin về lao động:

- Thông tin về người đứng đầu cơ sở;

- Lao động (phân tổ theo loại lao động gia đình, lao động thuê ngoài, lao động là người nước ngoài, trình độ đào tạo, giới tính, độ tuổi), thu nhập của người lao động (đối với cơ sở hành chính, đơn vị sự nghiệp, đoàn thể, hiệp hội).

c) Nhóm thông tin về kết quả hoạt động, ứng dụng công nghệ thông tin:

- Doanh thu (đối với cơ sở sản xuất kinh doanh);

- Sản phẩm chủ yếu (đối với cơ sở sản xuất kinh doanh);

- Ứng dụng công nghệ thông tin (số lượng máy tính, số người biết sử dụng máy tính trong công việc, số cơ sở có kết nối internet, thương mại điện tử...).

d) Một số thông tin bổ sung về các khu vực kinh tế đặc thù như: Khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề, làng nghề truyền thống (quy mô, số doanh nghiệp, cơ sở, vốn đầu tư, cơ sở hạ tầng...).

Các thông tin thuộc 4 nhóm trên được thu thập theo 6 loại phiếu thu thập thông tin và 2 phụ biểu, gồm:

1. Phiếu 01/TĐT-DN - Phiếu thu thập thông tin về cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc khối doanh nghiệp, áp dụng cho cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh phụ thuộc cơ quan Nhà nước/đơn vị sự nghiệp/đoàn thể, hiệp hội.

2. Phụ biểu 01a/TĐT-KC - Phiếu thu thập thông tin về cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc khu vực doanh nghiệp nằm trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, cụm làng nghề.

3. Phiếu 02A/TĐT-CT - Phiếu thu thập thông tin về cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể (áp dụng đối với cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể ngành công nghiệp, xây dựng).

4. Phiếu 02B/TĐT-CT - Phiếu thu thập thông tin về cơ sở kinh doanh cá thể (áp dụng đối với cơ sở kinh doanh cá thể ngành vận tải).

5. Phiếu 02C/TĐT-CT- Phiếu thu thập thông tin về cơ sở kinh doanh cá thể (áp dụng đối với cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể ngành thương mại, dịch vụ).

(Do đặc điểm hầu hết hoạt động đơn ngành, Phiếu thu thập thông tin về cơ sở kinh doanh cá thể được thiết kế thành ba loại riêng cho 3 nhóm ngành như trên).

6. Phụ biểu 02a - Phiếu thu thập thông tin về cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể nằm trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, cụm làng nghề...

7. Phiếu 03/TĐT - Phiếu thu thập thông tin về cơ sở hành chính sự nghiệp, áp dụng cho các đơn vị cơ sở thuộc khối hành chính, sự nghiệp.

8. Phiếu 04/TĐT-TG - Phiếu thu thập thông tin về các cơ sở tôn giáo (do chỉ thu thập một số thông tin đơn giản nên phiếu này được tách riêng).

9. Phiếu 05/TĐT-KCN - Phiếu thu thập thông tin về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, Khu Công viên Phần mềm Quang Trung, cụm công nghiệp, cụm làng nghề. Phiếu này do các Ban quản lý của các đơn vị thực hiện.

10. Phiếu 06/TĐT-LN - Phiếu thu thập thông tin về các cơ sở làng nghề thuộc khu vực thành thị. Phiếu này do Ủy ban nhân dân các phường - xã, thị trấn có làng nghề thực hiện.

e) Thông tin về tài sản, vốn, hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp được kết hợp khai thác từ kết quả cuộc điều tra doanh nghiệp năm 2007 (đã được tiến hành vào thời điểm ngày 01 tháng 02 năm 2007).

g) Thông tin về tài sản, vốn, hiệu quả sản xuất kinh doanh, chi phí của các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể sẽ được điều tra mẫu vào thời điểm ngày 01 tháng 10 năm 2007.

2. Các bảng danh mục sử dụng trong tổng điều tra:

Có 6 loại bảng danh mục được sử dụng để đánh mã số trong các phiếu điều tra, gồm:

a) Hệ thống ngành kinh tế quốc dân;

b) Bảng danh mục các dân tộc Việt Nam;

c) Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam;

d) Bảng danh mục nước và vùng lãnh thổ;

đ) Bảng danh mục sản phẩm;

e) Bảng danh mục các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

V. Thời điểm tổng điều tra:

1. Thời điểm tổng điều tra: ngày 01 tháng 7 năm 2007.

2. Thời kỳ số liệu:

- Số liệu thời điểm: tính đến ngày 01 tháng 7 năm 2007.

- Số liệu thời kỳ: lấy số liệu cả năm 2006 và 6 tháng đầu năm 2007.

VI. Quy trình và phương pháp điều tra: được chia thành 5 bước:

1. Chuẩn bị điều tra;

2. Triển khai điều tra, thu thập thông tin;

3. Tổ chức nghiệm thu phiếu điều tra các cấp;

4. Xử lý, tổng hợp số liệu;

5. Biên soạn và công bố kết quả tổng điều tra.

Bước 1: Chuẩn bị điều tra

1.1. Xây dựng phương án, kế hoạch tổng điều tra của thành phố.

1.2. Tiến hành công tác tuyên truyền: Cuộc tổng điều tra cơ sở kinh tế có liên quan đến tất cả các cơ sở sản xuất kinh doanh, tất cả các cơ quan tổ chức trên địa bàn thành phố nên cần thiết phải tiến hành công tác tuyên truyền rộng khắp để các đối tượng có liên quan và người dân hiểu biết về cuộc tổng điều tra và hợp tác thực hiện tốt cuộc tổng điều tra (có kế hoạch tuyên truyền riêng).

1.3. Tiến hành lập danh sách đơn vị điều tra:

- Trong tổng điều tra, chỉ tiêu số lượng đơn vị cơ sở là một chỉ tiêu rất quan trọng, vì vậy việc lập danh sách là bước rất cần thiết để thực hiện việc **đếm đầy đủ** số lượng đơn vị điều tra.

- Kết quả lập danh sách sẽ cho biết cụ thể địa điểm, địa chỉ, loại đơn vị điều tra của từng cơ sở, số lượng cơ sở phân theo các cấp quản lý hành chính (phường - xã, quận - huyện, thành phố) là cơ sở để phân công điều tra viên, giám sát viên, tạo điều kiện thuận lợi cho điều tra viên khi đi điều tra thu thập thông tin; giảm thiểu việc tính trùng hoặc bỏ sót đơn vị điều tra.

- Số lượng các đơn vị điều tra thu được qua công tác lập danh sách phục vụ việc phân bổ dự toán kinh phí, tài liệu, phiếu điều tra, tuyển chọn số lượng điều tra viên, giám sát viên.

- Quy trình lập danh sách đơn vị điều tra tiến hành theo 2 bước:

a) Liệt kê danh sách các cơ sở kinh tế theo địa bàn điều tra:

Công tác lập danh sách thực tế các đơn vị điều tra được tiến hành theo 2 phương pháp:

- Phương pháp gián tiếp:

Phương pháp này áp dụng cho các cơ quan/tổ chức (gọi tắt là cơ quan) thuộc khối cơ quan Nhà nước (cấp Trung ương, địa phương) như: Văn phòng đại diện của

các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn thành phố, Tòa án, Viện Kiểm sát nhân dân…; Ủy ban nhân dân các cấp, các sở - ban - ngành và các đơn vị phụ thuộc; các cơ quan Đảng, các cơ quan của các tổ chức chính trị - xã hội..., và các đơn vị phụ thuộc của các cơ quan đó.

Khối các cơ quan trên được gọi chung là "Khối A" (Danh sách cụ thể các cơ quan thuộc khối A xem trong "Danh mục các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội", trong cuốn "Các danh mục sử dụng trong Tổng điều tra các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2007"). Danh sách các cơ sở thuộc khối A ở cấp Trung ương và thành phố do Cục Thống kê thành phố lập; danh sách các cơ sở thuộc khối A ở quận - huyện, phường - xã do Phòng Thống kê quận - huyện lập. Việc lập danh sách được tiến hành thông qua đầu mối là cơ quan chủ quản (căn cứ hướng dẫn trong Quy trình lập danh sách đơn vị điều tra).

Sau khi tổng hợp xong danh sách đơn vị điều tra theo từng loại cơ sở (Mẫu biểu tổng hợp căn cứ Quy trình lập danh sách đơn vị điều tra), danh sách các cơ sở này sẽ được trả về theo phường - xã, quận - huyện để tổng hợp chung vào danh sách của cấp tương ứng; đồng thời danh sách được lưu tại thành phố, quận - huyện để làm cơ sở phân công điều tra viên thu thập phiếu.

- Phương pháp trực tiếp:

+ Liệt kê danh sách cơ sở kinh tế theo địa bàn điều tra bằng phương pháp trực tiếp là việc đi thực tế theo từng đường phố, khu phố, ấp để đếm số cơ sở, ghi tên, địa chỉ, ngành nghề hoạt động của các cơ sở kinh tế thuộc từng loại đối tượng điều tra (theo biểu mẫu quy định) đóng trên địa bàn.

+ Địa bàn điều tra được xác định theo đơn vị hành chính là khu phố, ấp.

+ Để liệt kê đầy đủ, phân loại đúng đối tượng, loại đơn vị điều tra, điều tra viên cần nắm vững yêu cầu lập danh sách, các khái niệm, định nghĩa, nhận dạng được đơn vị điều tra; nắm vững địa bàn, tập quán sản xuất kinh doanh của địa phương; có kỹ năng tiếp cận, quan sát, phỏng vấn.

+ Điều tra viên được trang bị Sổ liệt kê danh sách đơn vị điều tra; mẫu biểu tổng hợp đơn vị điều tra phân theo 9 loại danh sách.

Cách làm: Điều tra viên đi liệt kê đơn vị điều tra vào Sổ liệt kê danh sách đơn vị điều tra; cuối ngày chép các đơn vị điều tra (có ký hiệu mã số quy định) theo loại cơ sở vào 9 loại danh sách tương ứng. Việc này cần thực hiện hàng ngày.

b) Tổng hợp danh sách đơn vị điều tra: theo 9 loại danh sách sau đây:

- Mẫu 1A/DS-DN: Gồm các loại cơ sở là: Trụ sở chính các doanh nghiệp Nhà nước, DN cổ phần có vốn Nhà nước, Công ty TNHH có vốn Nhà nước (ký hiệu: NN); DN có vốn đầu tư nước ngoài và các dự án có vốn đầu tư nước ngoài (ký hiệu ĐTNN); các văn phòng đại diện công ty nước ngoài (ký hiệu VPĐD).

- Mẫu 1B/DS-DN: Gồm các loại cơ sở là: Doanh nghiệp ngoài Nhà nước gồm: Cty cổ phần tư nhân, hợp tác xã (trừ HTX nông, lâm nghiệp và thủy sản), Cty TNHH tư nhân, Công ty hợp danh, DN tư nhân (ký hiệu NQD) và các chi nhánh của các loại hình doanh nghiệp đã được nêu ở 1A và 1B (ký hiệu CN).

- Mẫu 2A/DS-CSCT: Gồm các hộ sản xuất kinh doanh cá thể công nghiệp và xây dựng (ký hiệu CNXD).

- Mẫu 2B/DS-CSCT: Gồm các hộ kinh doanh cá thể ngành vận tải (ký hiệu VT).

- Mẫu 2C/DS-CSCT: Gồm các hộ kinh doanh cá thể ngành thương mại và dịch vụ (ký hiệu TMDV).

- Mẫu 3A/DS-HCSN: Gồm các loại cơ sở là: cơ quan hành chính sự nghiệp (HCSN) cấp Trung ương (ký hiệu là TW), cơ quan HCSN cấp thành phố (ký hiệu TP), văn phòng đại diện (văn phòng 2 của các Bộ, ngành) của các cơ quan Trung ương (ký hiệu CNTW).

- Mẫu 3B/DS-HCSN: Gồm các loại cơ sở là: cơ quan HCSN cấp quận/huyện (ký hiệu QH); chi nhánh của các cơ quan HCSN 3 cấp: TP, Q/H, P/X... (ký hiệu CN3).

- Mẫu 3C/DS-HCSN: Gồm các loại cơ sở là: cơ quan HCSN cấp phường/xã (ký hiệu XP).

- Mẫu 4/DS-CSTG: Gồm các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng.

1.4. Tuyển chọn điều tra viên, Đội trưởng:

a) Điều tra viên:

- Điều tra viên là lực lượng quyết định chất lượng cuộc điều tra. Do đó, điều tra viên phải là người có sức khỏe, có trình độ văn hóa lớp 12 trở lên, có tinh thần trách nhiệm, có khả năng vận động thuyết phục để đối tượng điều tra cung cấp thông tin, có thời gian tập trung cho công tác tổng điều tra; đặc biệt phải nắm được nội dung các chỉ tiêu và yêu cầu của từng loại phiếu điều tra.

- Điều tra viên cấp nào do Ban Chỉ đạo cấp đó tuyển chọn. Ban Chỉ đạo thành phố căn cứ vào các định mức quy định, tình hình thực tế của mỗi khu vực, địa bàn để tính toán, phân bổ số lượng điều tra viên.

- Trong cuộc tổng điều tra này, điều tra viên cần được tuyển chọn riêng cho 2 công việc: Lập danh sách và điều tra thu thập phiếu. Để lập danh sách nên tuyển chọn điều tra viên là cán bộ cơ sở, tổ trưởng dân phố, cán bộ đoàn thể; để điều tra thu phiếu, cần chọn điều tra viên có trình độ phù hợp cho từng loại phiếu.

b) Đội trưởng:

- Đội trưởng là người chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát các công việc cụ thể được giao từ khi triển khai đến khi kết thúc cuộc điều tra. Ngoài những tiêu chuẩn như điều tra viên, Đội trưởng còn cần phải có tinh thần trách nhiệm cao, có kinh nghiệm, thông thạo nghiệp vụ điều tra để giúp điều tra viên giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều tra, hoặc chuyển tải được những ý kiến giải quyết của Ban Chỉ đạo đến điều tra viên.

- Đội trưởng là người chịu trách nhiệm giao nhận tài liệu, kiểm tra, thu phiếu của điều tra viên, là cầu nối giữa điều tra viên và Ban Chỉ đạo.

- Sau khi kiểm tra thu phiếu của điều tra viên, Đội trưởng cần phân loại phiếu và tiến hành tổng hợp nhanh một số chỉ tiêu theo biểu mẫu quy định (xem Sổ tay Đội trưởng và Quy trình tổng hợp nhanh).

- Mỗi Đội trưởng chịu trách nhiệm phụ trách từ 6 đến 8 điều tra viên.

(Nhiệm vụ cụ thể của điều tra viên, Đội trưởng cần xem Sổ tay Điều tra viên, Sổ tay Đội trưởng).

1.5. Tổ chức tập huấn:

Công tác tập huấn nghiệp vụ tổng điều tra cơ sở kinh tế bao gồm công tác tập huấn lập bảng kê và tập huấn nghiệp vụ ghi phiếu, các quy trình của tổng điều tra, được tiến hành 2 cấp:

- Ban Chỉ đạo thành phố tổ chức tập huấn cho các Ban Chỉ đạo quận - huyện và các Đội trưởng, điều tra viên cấp thành phố.

- Ban Chỉ đạo quận - huyện tổ chức tập huấn **trực tiếp** cho Tổ thường trực quận - huyện, Ban Chỉ đạo phường - xã và Đội trưởng, điều tra viên của quận - huyện, và điều tra viên phường - xã.

Lưu ý:

- Để công tác điều tra đạt hiệu quả cao, nên phân công điều tra viên theo từng loại đối tượng điều tra và tổ chức tập huấn nghiệp vụ riêng cho điều tra viên của từng loại đối tượng điều tra.

- Chất lượng thông tin của cuộc tổng điều tra phụ thuộc rất nhiều vào việc thu thập thông tin ban đầu từ đơn vị điều tra. Để có thể khai thác, thu thập thông tin được đầy đủ, kịp thời, chính xác theo yêu cầu của các phiếu điều tra thì ngoài tinh thần trách nhiệm, điều tra viên, Đội trưởng, giám sát viên cần phải rất am hiểu và thông thạo về nghiệp vụ. Do đó, khâu tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho điều tra viên và Đội trưởng, giám sát viên cần được tổ chức và chỉ đạo chặt chẽ, kỹ lưỡng, đảm bảo tập huấn đủ thời gian, đúng quy trình.

Bước 2: Tổ chức thu thập thông tin

- Ban Chỉ đạo phường - xã chịu trách nhiệm tổ chức điều tra thu thập thông tin của các cơ sở trên địa bàn gồm có:

+ Cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể: phiếu số **02A, 02B, 02C** (phụ biểu **02a** cụm làng nghề);

+ Cơ sở hành chính sự nghiệp cấp phường - xã quản lý: phiếu **03**;

+ Cơ sở tôn giáo: phiếu **04**;

+ Cơ sở làng nghề thành thị, các chợ do phường - xã quản lý: phiếu **06**.

- Ban Quản lý Chợ (do quận - huyện quản lý), **Ban Quản lý Trung tâm thương mại, Ban Quản lý Siêu thị, Ban Quản lý Cao ốc văn phòng** chịu trách nhiệm tổ chức điều tra thu thập thông tin của các đơn vị đóng tại các địa điểm trên gồm có:

+ Cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc khối doanh nghiệp: phiếu số **01**;

+ Cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể: phiếu số **02A, 02B, 02C**;

+ Cơ sở hành chính sự nghiệp: phiếu **03**;

- Ban Quản lý Khu chế xuất - khu công nghiệp thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Ban Quản lý Công viên Phần mềm Quang Trung chịu trách nhiệm tổ chức điều tra thu thập thông tin của các đơn vị đóng trong các khu do các Ban trên quản lý gồm:

+ Cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc khối doanh nghiệp: phiếu số **01** và phụ biểu **01a**;

+ Cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể: phiếu số **02A, 02B, 02C**, phụ biểu **02a**;

+ Cơ sở hành chính sự nghiệp: phiếu **03**;

+ Cơ sở là khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, Khu Công viên Phần mềm Quang Trung …: Phiếu số **05**;

- **Ban Chỉ đạo quận - huyện** chịu trách nhiệm tổ chức điều tra thu thập thông tin của các đơn vị:

+ Cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc khối doanh nghiệp ngoài Nhà nước, chi nhánh, văn phòng đại diện của các doanh nghiệp trong nước, các phân xưởng sản xuất, kho hàng, bến bãi,... đóng trên địa bàn quận - huyện: phiếu số **01** và phụ biểu **01a** (nếu trú đóng tại cụm công nghiệp do quận - huyện quản lý);

+ Các đơn vị hành chính sự nghiệp cấp quận/huyện quản lý, chi nhánh, các cơ sở phụ của các đơn vị hành chính sự nghiệp cấp Trung ương, thành phố, quận - huyện đóng trên địa bàn: phiếu số **03**;

- Ban Chỉ đạo thành phố chịu trách nhiệm trực tiếp tổ chức điều tra thu thập thông tin của các đơn vị:

+ Các trụ sở chính của các doanh nghiệp Nhà nước, công ty cổ phần có vốn Nhà nước, công ty TNHH có vốn Nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, dự án có vốn đầu tư nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài (trừ các đơn vị nằm trong khu chế xuất, khu công nghiệp, cao ốc văn phòng): Phiếu số **01**;

+ Các đơn vị hành chính sự nghiệp cấp Trung ương và Thành phố quản lý: Phiếu số **03**;

Bước 3: Tổ chức nghiệm thu phiếu điều tra các cấp

Việc nghiệm thu phiếu điều tra được tổ chức như sau:

- Ban Chỉ đạo phường - xã, các Đội trưởng có trách nhiệm nghiệm thu lần đầu các phiếu do điều tra viên giao nộp.

- Ban Chỉ đạo quận - huyện và các Đội trưởng chịu trách nhiệm kiểm tra nghiệm thu tại quận - huyện **100% số lượng phiếu điều tra các loại** do điều tra viên cấp quận - huyện thực hiện, phiếu điều tra do các phường - xã thực hiện và các phiếu điều tra do các Ban Quản lý Chợ (cấp quận - huyện) trung tâm thương mại, siêu thị, cao ốc văn phòng trên địa bàn quận - huyện thực hiện.

- Ban Chỉ đạo thành phố tiến hành nghiệm thu các loại phiếu điều tra của điều tra viên cấp thành phố, các phiếu điều tra của quận - huyện (đã được Ban Chỉ đạo quận - huyện nghiệm thu) và các phiếu điều tra do các Ban Quản lý Khu chế xuất - khu công nghiệp, Khu Công nghệ cao... thực hiện.

- Ban Chỉ đạo Trung ương tổ chức nghiệm thu các loại phiếu điều tra tại thành phố (đã được Ban Chỉ đạo thành phố nghiệm thu).

Cần lưu ý kiểm đủ số lượng, sắp xếp đúng loại phiếu theo quy định trước khi nghiệm thu ở mỗi cấp.

- Sau khi Ban Chỉ đạo Trung ương nghiệm thu, các loại phiếu được chuyển sang bộ phận nhập tin, xử lý số liệu.

(Chi tiết về công tác nghiệm thu xem trong Quy trình nghiệm thu).

Bước 4: Xử lý, tổng hợp số liệu

Việc xử lý, tổng hợp số liệu của các đơn vị cơ sở được tiến hành theo 2 bước: xử lý tổng hợp nhanh và xử lý tổng hợp chính thức.

a) Xử lý tổng hợp nhanh

Để kịp thời có những số liệu cơ bản công bố vào tháng 12 năm 2007 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, một số chỉ tiêu được tổng hợp nhanh bằng phương pháp lập bảng kê (theo mẫu biểu hướng dẫn). Việc lập bảng kê được tiến hành theo cấp điều tra (phường/xã, quận/huyện, thành phố).

b) Tổng hợp chính thức

Các phiếu điều tra đã được Ban Chỉ đạo Trung ương nghiệm thu sẽ được nhập tin theo chương trình thống nhất chung toàn quốc (tại các Cục Thống kê hoặc tại 3 Trung tâm Tin học Thống kê theo quyết định của Ban Chỉ đạo Trung ương, trên cơ sở năng lực hiện có của các địa phương).

Sau khi hoàn thành khâu nhập tin, toàn bộ dữ liệu của các địa phương được gửi về Ban Chỉ đạo Trung ương - Trung tâm Tin học Thống kê - qua đường truyền mạng để kiểm tra lần cuối và xử lý tổng hợp.

Số liệu của các ngành quốc phòng, an ninh được Bộ Quốc phòng và Bộ Công an tổng hợp theo chương trình chung sẽ được chuyển sang Tổng cục Thống kê - Cơ quan thường trực tổng điều tra để tổng hợp vào số liệu chung của cả nước.

Bước 5: Biên soạn và công bố kết quả tổng điều tra

Kết quả tổng điều tra được biên soạn và công bố theo 2 bước:

a) Báo cáo kết quả tổng hợp nhanh vào tháng 12 năm 2007, gồm một số chỉ tiêu chủ yếu như: Tổng số cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp, số doanh nghiệp, chi nhánh, số cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, số cơ sở hành chính, sự nghiệp; Số lao động phân theo loại cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp, theo các cấp hành chính tại thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2007.

b) Kết quả chính thức của cuộc tổng điều tra sẽ được công bố vào tháng 7 năm 2008. Những chỉ tiêu cơ bản của tổng điều tra với các phân tổ chi tiết sẽ được biên soạn thành các ấn phẩm, CD-ROM; đồng thời cơ sở dữ liệu sẽ được xây dựng để có thể cung cấp số liệu theo các yêu cầu đa dạng, chi tiết hơn của các sở - ban - ngành thành phố và quận - huyện.

Kết quả tổng điều tra năm 2007 sẽ cập nhật vào cơ sở dữ liệu tổng điều tra (kết quả tổng điều tra các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp 1995, 2002 và 2007) và kết hợp với kết quả các cuộc điều tra doanh nghiệp, điều tra cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể 2007, các cuộc điều tra khác để biên soạn và cung cấp những bộ số liệu phong phú, đáp ứng các yêu cầu, mục tiêu đã đề ra.

VII. Kế hoạch triển khai:

1. Thành lập Ban Chỉ đạo thành phố; Tổ giúp việc cho Ban Chỉ đạo thành phố trong tháng 3 năm 2007; Ban Chỉ đạo quận - huyện trong tháng 4 năm 2007; BCĐ phường - xã, thị trấn chậm nhất là ngày 15 tháng 5 năm 2007;

2. Lập danh sách các đơn vị điều tra ban đầu (danh sách nền): Tháng 3 năm 2007;

3. Tập huấn của Trung ương cho các địa phương về Lập danh sách trên địa bàn và phương án Tổng điều tra: Tháng 4 năm 2007;

4. Xây dựng phương án Tổng điều tra của địa phương và xây dựng kế hoạch tuyên truyền: Tháng 5 năm 2007;

5. Tổ chức Hội nghị triển khai Quyết định của Thủ tướng; phổ biến Quy trình, kế hoạch Tổng điều tra cho Ban Chỉ đạo thành phố và quận - huyện: Đầu tháng 5 năm 2007;

6. Tập huấn của Tổ thường trực Ban Chỉ đạo thành phố cho Tổ thường trực quận - huyện, cán bộ Phòng Thống kê quận - huyện và Văn phòng Cục Thống kê về công tác lập bảng kê: Từ ngày 08 đến ngày 11 tháng 5 năm 2007;

7. Tuyển chọn điều tra viên, Đội trưởng và tập huấn công tác lập bảng kê ở quận - huyện: Từ ngày 14 đến ngày 20 tháng 5 năm 2007;

8. Tiến hành công tác lập bảng kê thực tế tại địa bàn: Từ ngày 21 tháng 5 đến ngày 10 tháng 6 năm 2007;

9. Tập huấn của Tổ thường trực thành phố cho Ban Chỉ đạo quận - huyện và Văn phòng Cục Thống kê về phương pháp ghi phiếu điều tra: Từ ngày 28 tháng 5 đến ngày 01 tháng 6 năm 2007;

10. Tập huấn của Ban Chỉ đạo quận - huyện cho Tổ thường trực quận - huyện, Ban Chỉ đạo phường - xã và Đội trưởng, điều tra viên: Từ ngày 04 tháng 6 đến ngày 15 tháng 6 năm 2007;

11. Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: Từ ngày 18 tháng 6 đến ngày 15 tháng 7 năm 2007;

12. Tiến hành công tác điều tra thu thập phiếu: Từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7 năm 2007;

13. Phúc tra một số địa bàn điều tra: Tháng 8 năm 2007;

14. Kiểm tra, nghiệm thu, đánh mã số: Tháng 8 đến tháng 10 năm 2007;

15. Tổng hợp nhanh: Tháng 11 năm 2007. Công bố kết quả tổng hợp nhanh: Tháng 12 năm 2007.

16. Nhập tin: Tháng 11 năm 2007 đến tháng 3 năm 2008.

17. Kiểm tra xử lý tại Tổng cục: Tháng 4, 5, 6 năm 2008 (Ban Chỉ đạo Trung ương).

18. Công bố kết quả chính thức: Tháng 7 năm 2008.

19. Biên soạn sách, đĩa CD, phân tích kết quả: Quý IV năm 2008.

VIII. Kinh phí thực hiện:

1. Kinh phí cho các bước của quy trình điều tra do ngân sách Trung ương cấp phát qua hệ thống ngành dọc của Tổng cục Thống kê.

2. Kinh phí biên soạn, in các ấn phẩm (sách, tờ bướm, đĩa CD) để công bố các kết quả tổng hợp và phân tích dữ liệu thu thập từ Tổng điều tra trên địa bàn cấp nào thì do ngân sách cấp đó cấp phát theo đề nghị của Ban Chỉ đạo Tổng điều tra cùng cấp.

3. Giao Cục Thống kê thành phố xây dựng chương trình phần mềm để quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2007 trên nền hệ thống thông tin bản đồ địa lý (GIS) của thành phố. Kinh phí để thực hiện việc này do ngân sách thành phố cấp.

IX. Tổ chức thực hiện:

Tổng điều tra các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp là cuộc tổng điều tra rất phức tạp, phạm vi rộng, liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau nhưng công tác thu thập số liệu chỉ diễn ra trong thời gian ngắn.

Để cuộc tổng điều tra đạt kết quả tốt, các Ban Chỉ đạo thành phố, quận - huyện, phường - xã, thị trấn phải tập trung chỉ đạo, làm tốt công tác tuyên truyền, tập huấn; phối hợp chặt chẽ với Cục Thống kê để chỉ đạo, hướng dẫn; kiểm tra, đôn đốc các đơn vị, cơ sở nghiêm túc thực hiện việc ghi phiếu điều tra, cung cấp số liệu cho điều tra viên trên địa bàn theo yêu cầu của các loại phiếu điều tra cả về thời gian và chất lượng; đồng thời, đảm bảo việc tuân thủ Phương án và các Quy trình Tổng điều tra do Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo thành phố quy định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2125/QĐ-UBND	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2007*

QUYẾT ĐỊNH

Về duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới Long Bình, quận 9

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP, ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng đô thị;

Căn cứ quy hoạch chung quận 9 đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 3815/QĐ-UB-QLĐT ngày 02 tháng 7 năm 1999;

Xét nội dung hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới Long Bình, quận 9 do Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc miền Nam (ACSA) lập;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 1165/TTr-SQHKT ngày 16 tháng 4 năm 2007 về phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới Long Bình, quận 9,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới Long Bình, quận 9 với các nội dung chính như sau: (Đính kèm hồ sơ lập nhiệm vụ quy hoạch chi tiết).

1. Vị trí giới hạn và phạm vi quy hoạch:

- Khu đất dự kiến quy hoạch có diện tích khoảng 91,79ha thuộc phường Long

Bình, quận 9 (theo Văn bản số 188/PPQĐ-KTQĐ ngày 24 tháng 9 năm 2006 của Trung tâm Khai thác quỹ đất - Sở Tài nguyên và Môi trường).

- Ranh giới:

+ Phía Đông : giáp khu dân cư hiện hữu.

+ Phía Tây : giáp khu dân cư hiện hữu và sân golf.

+ Phía Nam : giáp khu sân golf và dân cư hiện hữu.

+ Phía Bắc : giáp khu Công viên Lịch sử Văn hóa Dân tộc.

2. Mục tiêu đồ án:

- Xây dựng Khu đô thị mới Long Bình thành khu đô thị hiện đại với các khu dân cư, cùng hệ thống công trình công cộng cấp khu dân dụng (thương mại, dịch vụ, trường học, văn hóa, y tế…) và hệ thống hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh, đồng bộ gắn kết hệ thống kỹ thuật chung khu vực.

- Khu đô thị mới hình thành sẽ thúc đẩy khu vực xung quanh phát triển nhanh.

- Góp phần thực hiện chủ trương lớn của thành phố là giãn dân từ khu vực nội thành.

3. Tính chất, chức năng quy hoạch:

- Theo định hướng phát triển không gian quận 9, Khu đô thị mới Long Bình được xác định là khu dân dụng với các chức năng:

+ Khu ở.

+ Khu công trình công cộng.

+ Khu công viên - cây xanh.

4. Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc chủ yếu:

Do tính chất là khu đô thị mới, các chỉ tiêu sử dụng đất được xem xét trên cơ sở là đất khu dân dụng đô thị.

Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc được đề nghị như sau:

+ Diện tích khu đất quy hoạch : 91,79ha, chia ra:

+ Quy mô dân số : khoảng 19.500 người.

+ Chỉ tiêu đất dân dụng : 47 - 53m^2/người.

- Đất khu ở : 25 - 27m^2/người.

- Đất công trình công cộng cấp khu vực và đô thị: 3 - 4m^2/người.

- Đất công viên cây xanh : 5 - 6m^2/người.

- Đất giao thông : 14 - 16m^2/người.

+ Đối với đất khu ở:

- Nhà ở đơn lẻ (nhà biệt thự, liên kế vườn):

• Diện tích đất xây dựng nhà ở đơn lẻ chiếm 40 - 45% đất xây dựng nhà ở.

• Mật độ xây dựng : 50 - 70%.

• Tầng cao xây dựng : 2 - 3 tầng.

- Nhà ở chung cư:

. Diện tích đất xây dựng nhà ở chung cư chiếm 55 - 60% diện tích đất xây dựng nhà ở.

• Mật độ xây dựng : 20 - 40%.

• Tầng cao xây dựng : 5 - 25 tầng.

+ Mật độ xây dựng chung : khoảng 30%.

+ Hệ số sử dụng đất chung : tối đa 2.

+ Tầng cao xây dựng: tầng cao xây dựng tối thiểu 2 tầng, tầng cao xây dựng tối đa: 25 tầng.

+ Tiêu chuẩn cấp nước : 250 lít/người/ngày đêm.

+ Tiêu chuẩn cấp điện : 2.800 - 3.000 KWh/người/năm.

+ Tiêu chuẩn thoát nước : 250 lít/người/ngày đêm.

+ Chỉ tiêu rác thải : 1 - 1,5 Kg/người/ngày.

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

5.1. Hệ thống giao thông:

- Xây dựng các tuyến đường chính liên khu vực có lộ giới 30 - 40m.

- Xây dựng các tuyến đường khu vực 12m - 20m.

5.2. Hệ thống cấp nước:

Sử dụng nguồn nước máy thành phố đưa vào ống cấp nước Ø2.000mm trên đường Hà Nội và Ø600mm trên đường hiện hữu đang cung cấp cho các khu chức năng của thành phố kế cận khu quy hoạch.

5.3. Hệ thống thoát nước bẩn và vệ sinh môi trường:

- Xây dựng hệ thống thoát nước bẩn riêng, hướng thoát về trạm xử lý nước thải cục bộ đặt tại khu vực dự án.

- Nước thải sinh hoạt phải được xử lý qua bể tự hoại, sau đó về trạm xử lý nước thải cục bộ.

- Rác thải sẽ được thu gom hàng ngày bằng xe ép rác nhỏ và đưa về bô rác tập trung được xây dựng kín, được xe chuyên dùng vận chuyển về khu liên hiệp xử lý chất thải rắn tại Đa Phước, Bình Chánh.

5.4. Chuẩn bị kỹ thuật:

- Cao độ xây dựng chọn ≥ 2,2m (cao độ Quốc gia Hòn Dấu).

- Phân chia lưu vực, tính toán kiểm tra và đề xuất giải pháp giải quyết ngập triệt để.

5.5. Hệ thống cấp điện:

Khu đô thị mới Long Bình được cấp điện từ lưới điện chung của thành phố, nhận điện từ trạm 110/22KV Thủ Đức hiện hữu thông qua tuyến điện trung thế 22KV được xây dựng dọc theo đường hiện hữu và các đường trục trong khu dân cư.

6. Một số lưu ý khi nghiên cứu đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000:

- Cần phối hợp với Ủy ban nhân dân quận 9 để đảm bảo việc nối kết hạ tầng kỹ thuật chung khu vực.

- Cần dành đất để bố trí khu công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật.

- Khi nghiên cứu hệ thống giao thông cần chú ý đến hệ thống giao thông công cộng có kết hợp với giao thông tĩnh (bến bãi đậu xe).

- Cần có ý kiến Ủy ban nhân dân quận 9 và nhân dân địa phương đối với đồ án quy hoạch chi tiết.

- Thành phần hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng và tỷ lệ 1/2000 thực hiện đúng theo Điều 26 Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng và Thông tư số 15/2005/TT-BXD ngày 13 tháng 10 năm 2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch - xây dựng.

Điều 2. Trên cơ sở nội dung Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới Long Bình, quận 9 được duyệt, Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn triển khai

thực hiện nghiên cứu đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới Long Bình, quận 9 và trình duyệt theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 9, Công ty GS Engineering & Construction chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 73/2007/QĐ-UBND	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2007*

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Quy định Quản lý dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét hệ thống thoát nước và kênh rạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 81/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 2714/TNMT-CTR ngày 12 tháng 4 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét hệ thống thoát nước và kênh rạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về quản lý dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét hệ thống thoát nước và kênh rạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 73/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích và phạm vi điều chỉnh

1. Quy định quản lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét mạng lưới thoát nước và kênh rạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nhằm tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước đối với hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét mạng lưới thoát nước và kênh rạch (sau đây gọi tắt là bùn nạo vét); ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động có hại của bùn hầm cầu, bùn nạo vét đối với môi trường, sức khỏe con người và mỹ quan đô thị; chấn chỉnh hoạt động của các đơn vị cung cấp dịch vụ trên địa bàn thành phố, đảm bảo hoạt động tuân thủ nghiêm ngặt các điều kiện vệ sinh môi trường, chấm dứt tình trạng đổ bỏ bừa bãi bùn hầm cầu, bùn nạo vét vào hệ thống kênh rạch và các địa điểm không đúng quy định thành phố.

2. Quy định này quy định các điều kiện trong hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét trên địa bàn thành phố; điều kiện về địa điểm xử lý tập trung; quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý Nhà nước trong việc phối hợp quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét; các cơ quan quản lý Nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo phân cấp của Chính phủ và Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Bùn hầm cầu: là chất thải phát sinh từ hầm tự hoại tại các hộ gia đình, cơ quan, trường học, bệnh viện, trung tâm thương mại, dịch vụ, chợ, nhà vệ sinh công cộng và các nguồn thải khác.

2. Bùn nạo vét: là chất thải phát sinh từ quá trình nạo vét hệ thống thoát nước và kênh rạch trên địa bàn thành phố.

3. Đơn vị cung cấp dịch vụ: là tổ chức, cá nhân làm dịch vụ thu gom, vận chuyển bùn hầm cầu, bùn nạo vét trên địa bàn thành phố.

4. Đơn vị xử lý: là tổ chức, cá nhân có chức năng xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét được chuyển giao từ các đơn vị dịch vụ.

Điều 4. Thời gian thu gom, vận chuyển bùn hầm cầu, bùn nạo vét

1. Thời gian thu gom, vận chuyển bùn hầm cầu, bùn nạo vét về địa điểm xử lý tập trung theo quy định của thành phố về thời gian lưu thông của phương tiện xe tải trong nội vi thành phố.

2. Tuyến đường thu gom, vận chuyển bùn hầm cầu, bùn nạo vét phải phù hợp với các tuyến đường thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại theo quy định của thành phố.

3. Hạn chế lưu thông vận chuyển bùn hầm cầu, bùn nạo vét trong giờ cao điểm và trên các tuyến đường trung tâm thành phố.

Điều 5. Địa điểm xử lý

1. Bùn hầm cầu, bùn nạo vét sau khi thu gom phải được vận chuyển về địa điểm xử lý tập trung bao gồm các địa điểm sau:

- Khu Quy hoạch xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Đa Phước, huyện Bình Chánh;

- Tại nhà máy, công trường của các đơn vị xử lý trên địa bàn thành phố.

2. Chỉ chuyển giao bùn hầm cầu, bùn nạo vét cho các đơn vị xử lý đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định phê duyệt công nghệ xử lý.

Chương II
CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ BÙN HẦM CẦU, BÙN NẠO VÉT

Điều 6. Nguyên tắc chung

1. Bùn hầm cầu, bùn nạo vét phải được thu gom, vận chuyển và xử lý đúng thời gian và địa điểm quy định. Nghiêm cấm các đơn vị cung cấp dịch vụ, đơn vị xử lý thải bỏ bùn hầm cầu, bùn nạo vét không đúng nơi quy định hoặc thải vào hệ thống thoát nước và kênh rạch trên địa bàn thành phố.

2. Tất cả các đơn vị cung cấp dịch vụ, đơn vị xử lý phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định hiện hành của Nhà nước về bảo vệ môi trường và đảm bảo giữ gìn mỹ quan đô thị. Mọi hành vi không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động tùy vào mức độ sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 7. Đăng ký hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển bùn hầm cầu, bùn nạo vét

1. Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày ban hành Quy định này, các đơn vị cung cấp dịch vụ, đơn vị xử lý đã hoạt động trên địa bàn thành phố phải liên hệ Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện (nơi đặt trụ sở của đơn vị) để khai đăng ký hoạt động dịch vụ thu gom vận chuyển, xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét theo trình tự thủ tục tại Điều 8 Quy định này. Đối với đơn vị cung cấp dịch vụ và đơn vị xử lý hoạt động sau ngày có hiệu lực của Quy định này thì phải thực hiện thủ tục khai đăng ký trước khi chính thức hoạt động thu gom vận chuyển hoặc vận hành hệ thống xử lý.

2. Các đơn vị cung cấp dịch vụ, đơn vị xử lý có trách nhiệm kê khai đầy đủ và chính xác các thông tin về hoạt động của đơn vị trong khi làm thủ tục đăng ký.

3. Đối với bùn nạo vét phát sinh từ các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt cũng như khối lượng bùn phát sinh thường xuyên trong công tác duy tu hệ thống thoát nước tại thành phố thì đơn vị trúng thầu được vận chuyển về địa điểm xử lý tập trung quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này. Trường hợp này không cần phải thực hiện khai đăng ký.

4. Đối với các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực công ích có chức năng và nhiệm vụ thu gom, vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét của thành phố thì không cần phải thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động theo khoản 1 Điều này nhưng phải nộp bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, bản sao giấy phép xe đăng ký thu gom vận chuyển cho Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện (nơi đặt trụ sở chính của đơn vị) theo quy định.

Điều 8. Trình tự, thủ tục khai đăng ký hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét

1. Thủ tục khai đăng ký:

1.1. Tổ chức, cá nhân thực hiện khai đăng ký tại Phòng Tài nguyên và Môi trường theo mẫu Tờ khai đăng ký hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quy định này;

1.2. Các hồ sơ kèm theo Tờ khai gồm: (1) bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có); (2) bản sao Giấy phép đăng ký của xe thu gom, vận chuyển; (3) bản sao giấy phép lái xe; (4) bản sao giấy Chứng minh nhân dân của chủ đơn vị cung cấp dịch vụ, chủ phương tiện, lái xe; (5) bản sao văn bản thẩm định và phê duyệt công nghệ xử lý của cơ quan có thẩm quyền (đối với đơn vị xử lý); (6) các hồ sơ chứng minh đủ điều kiện hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy định này (nếu có); (7) bản sao Hợp đồng chuyển giao chất thải cho đơn vị xử lý (đối với đơn vị cung cấp dịch vụ);

2. Trình tự thực hiện:

2.1. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận Tờ khai kèm các hồ sơ có liên quan, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện xem xét, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các hồ sơ kèm theo; Các hồ sơ hợp lệ sẽ do Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thừa ủy quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện ký xác nhận trên tờ khai đăng ký; Tờ khai đăng ký được thực hiện làm hai (02) bản chính, một (01) bản do Phòng Tài nguyên và Môi trường lưu hồ sơ và bản còn lại cấp cho đơn vị đăng ký.

2.2. Trường hợp tại thời điểm đăng ký, các đơn vị cung cấp dịch vụ chưa đáp ứng được các điều kiện hoạt động theo quy định tại Điều 9 Quy định này thì Phòng Tài nguyên và Môi trường vẫn xác nhận trên tờ khai đăng ký đồng thời tiến hành kiểm tra định kỳ (3 tháng/lần) việc thực hiện và đáp ứng đầy đủ các điều kiện trong hoạt động của đơn vị theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

2.3. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày ký xác nhận trên tờ khai đăng ký, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện gửi một (01) bản sao tờ khai của đơn vị vừa thực hiện đăng ký tại địa phương (đã được Phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận) cho Sở Tài nguyên và Môi trường để phối hợp kiểm tra, theo dõi hoạt động của đơn vị theo chức năng.

Điều 9. Điều kiện hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển bùn hầm cầu, bùn nạo vét

1. Các tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển

bùn hầm cầu, bùn nạo vét trên địa bàn thành phố phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

1.1. Có đăng ký hành nghề vận chuyển hàng hóa trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc trong Giấy phép thành lập hợp tác xã hoặc doanh nghiệp tư nhân, cơ sở sản xuất của cấp có thẩm quyền; Trong trường hợp các đơn vị đã hoạt động trước ngày có hiệu lực của Quy định này thì phải liên hệ với cơ quan cấp giấy để đăng ký bổ sung hành nghề vận chuyển hàng hóa theo quy định;

1.2. Có bản cam kết bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền xác nhận đối với các đơn vị hoạt động sau ngày 01 tháng 7 năm 2006; Đối với các đơn vị đã hoạt động trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 thì không cần phải có Bản cam kết bảo vệ môi trường nhưng vẫn phải thực hiện đăng ký hoạt động và tiến hành nâng cấp cải tạo cơ sở hoạt động theo những điều kiện quy định tại Điều này.

1.3. Phương tiện, thiết bị chuyên dụng để thu gom vận chuyển phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Xe bồn kín (đối với xe vận chuyển bùn hầm cầu) và xe tải có thùng kín và trang bị bạt phủ (đối với xe vận chuyển bùn nạo vét) có giấy phép kiểm định chất lượng xe của cơ quan đăng kiểm;

b) Bồn xe hoặc thùng xe có trang bị van khóa, đảm bảo không gây rò rỉ chất thải trong quá trình lưu thông vận chuyển; Trên xe ghi dòng chữ "XE THU GOM VẬN CHUYỂN BÙN HẦM CẦU" đối với xe hút hầm cầu và "XE THU GOM VẬN CHUYỂN BÙN NẠO VÉT" đối với xe thu gom, vận chuyển bùn nạo vét;

c) Thiết bị bơm, hút bùn hầm cầu, bùn nạo vét kín, đảm bảo không gây rò rỉ;

d) Có đầy đủ thiết bị và biện pháp kỹ thuật làm vệ sinh xe tại địa điểm thu gom, tại cơ sở trong thời gian lưu giữ và tại địa điểm xử lý sau khi chuyển giao bùn hầm cầu, bùn nạo vét đến địa điểm xử lý tập trung.

1.4. Có đầy đủ đội ngũ lái xe được tập huấn để bảo đảm vận hành an toàn phương tiện thiết bị trong quá trình lưu thông vận chuyển bùn hầm cầu, bùn nạo vét.

2. Nghiêm cấm sử dụng phương tiện thô sơ, có thể gây rò rỉ bùn hầm cầu, bùn nạo vét và phát sinh mùi hôi trong quá trình vận chuyển.

3. Trường hợp các đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom bùn nạo vét trên địa bàn đặc thù như: trong hẻm sâu, địa điểm tách biệt với đường lộ thì các đơn vị được phép sử dụng quy trình và trang thiết bị nạo vét bùn từ hệ thống thoát nước như trước đây tuy nhiên phải thực hiện đầu tư và nâng cấp trang thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển và cải tạo quy trình cho phù hợp với các điều kiện quy định tại Điều này.

Điều 10. Điều kiện hoạt động dịch vụ xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét

1. Các đơn vị xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét phải được cơ quan có thẩm quyền xem xét thẩm định về quy trình công nghệ, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi tiến hành xây dựng và vận hành hệ thống xử lý.

2. Các tổ chức cá nhân khi tham gia hoạt động trong lĩnh vực xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét trên địa bàn thành phố phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

2.1. Có quy trình công nghệ xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định phê duyệt;

2.2. Có báo cáo đánh giá tác động môi trường được cơ quan có thẩm quyền thẩm định phê duyệt theo quy định;

2.3. Địa điểm xây dựng nhà máy xử lý phải nằm trong các khu quy hoạch xử lý chất thải rắn của thành phố;

2.4. Có ít nhất hai (02) cán bộ kỹ thuật có trình độ cao đẳng trở lên trong lĩnh vực hóa học, kỹ thuật môi trường hoặc tương đương để đảm nhiệm việc quản lý điều hành nhà máy xử lý; có đầy đủ đội ngũ công nhân được tập huấn để đảm bảo vận hành an toàn dây chuyền thiết bị xử lý và có khả năng xử lý khi có sự cố môi trường xảy ra;

2.5. Khi đi vào tiếp nhận và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét, đơn vị xử lý phải xây dựng được các quy trình và kế hoạch sau đây:

a) Quy trình vận hành an toàn dây chuyền công nghệ và thiết bị từ khâu tiếp nhận cho đến khâu xử lý cuối cùng;

b) Kế hoạch kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động;

c) Chương trình giám sát môi trường, giám sát hiệu quả vận hành và xử lý của hệ thống;

d) Kế hoạch về an toàn lao động và bảo vệ sức khỏe cho cán bộ, công nhân vận hành hệ thống xử lý.

Điều 11. Chi phí cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét

Chi phí cung cấp dịch vụ thu gom vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét do bên có nhu cầu được cung cấp dịch vụ và bên thực hiện dịch vụ tự thỏa thuận, trên cơ sở tính toán chi phí hợp lý hoạt động của đơn vị và yếu tố cạnh tranh trong quá trình hoạt động.

Chương III
TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN LỢI CỦA ĐƠN VỊ CUNG CẤP DỊCH VỤ, ĐƠN VỊ XỬ LÝ

Điều 12. Trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ

1. Liên hệ Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện để làm thủ tục khai đăng ký hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển bùn hầm cầu, bùn nạo vét.

2. Thực hiện thu gom, vận chuyển bùn hầm cầu, bùn nạo vét theo đúng thời gian và địa điểm quy định tại Điều 4 và Điều 5 Quy định này; thực hiện đúng và đầy đủ nội dung tờ khai đăng ký đã được Phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận.

3. Hoạt động tuân thủ đúng các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường và mỹ quan đô thị trong quá trình hoạt động.

4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và giám sát của cơ quan có thẩm quyền về tình hình hoạt động của đơn vị khi có yêu cầu. Chấp hành các hình thức xử phạt nếu có các hành vi vi phạm theo khoản 1 Điều 19 Quy định này.

5. Tuân thủ đúng các yêu cầu của Quy định này.

Điều 13. Trách nhiệm của đơn vị xử lý

1. Đảm bảo thời gian đầu tư theo tiến độ đã đăng ký với cơ quan quản lý Nhà nước. Dự án đầu tư phải được khởi công xây dựng trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày được cấp thẩm quyền chấp thuận đầu tư dự án; quá thời hạn trên, nếu không được cơ quan thẩm quyền cho phép gia hạn bằng văn bản, dự án đương nhiên không còn giá trị thực hiện.

2. Chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ được quy định theo pháp luật đầu tư hiện hành tại Việt Nam, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong và sau đầu tư.

3. Hoạt động tuân thủ đúng các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường và mỹ quan đô thị trong quá trình hoạt động.

4. Vận hành hệ thống xử lý đúng theo quy trình công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định phê duyệt.

5. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và giám sát của cơ quan có thẩm quyền về tình hình hoạt động của đơn vị khi có yêu cầu. Chấp hành các hình thức xử phạt nếu có các hành vi vi phạm theo khoản 2 Điều 19 Quy định này.

6. Tuân thủ đúng các yêu cầu của Quy định này.

Điều 14. Giám sát hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét

1. Đơn vị cung cấp dịch vụ, đơn vị xử lý có nghĩa vụ lắp đặt thiết bị và có biện pháp kỹ thuật để ghi nhận và kiểm soát khối lượng bùn hầm cầu, bùn nạo vét thu gom, vận chuyển và xử lý hàng ngày, làm cơ sở để báo cáo các cơ quan chức năng về khối lượng và chất lượng hoạt động khi có yêu cầu.

2. Đơn vị cung cấp dịch vụ, đơn vị xử lý khi gặp sự cố ô nhiễm môi trường do hoạt động của đơn vị gây ra phải báo cáo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân quận - huyện nơi xảy sự cố để được hướng dẫn xử lý.

Điều 15. Báo cáo hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét

Đơn vị cung cấp dịch vụ, đơn vị xử lý thực hiện công tác báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận - huyện định kỳ 06 tháng/lần về tình hình hoạt động của đơn vị.

Điều 16. Quyền lợi của đơn vị cung cấp dịch vụ, đơn vị xử lý

1. Thành phố khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét trên địa bàn thành phố.

2. Đối với đơn vị cung cấp dịch vụ, có các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư bao gồm:

2.1. Được hưởng chế độ ưu đãi đầu tư theo pháp luật đầu tư hiện hành tại Việt Nam;

2.2. Được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn của thành phố trong lĩnh vực kỹ thuật và quản lý môi trường.

3. Đối với đơn vị xử lý, có các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư bao gồm:

3.1. Miễn tiền thuê đất đối với nhà đầu tư xây dựng các công trình tiếp nhận và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét trong các Khu Quy hoạch xử lý chất thải rắn của thành phố;

3.2. Được hưởng chế độ ưu đãi đầu tư theo pháp luật đầu tư hiện hành tại Việt Nam;

3.3. Hỗ trợ đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật (đường, điện, nước) đến chân tường rào công trình. Hỗ trợ chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, chuẩn bị địa điểm xây dựng công trình;

3.4. Hỗ trợ cho nhà đầu tư vay vốn thực hiện công trình từ nguồn vốn kích cầu hoặc từ Quỹ giảm thiểu ô nhiễm của thành phố;

3.5. Được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn của thành phố trong lĩnh vực kỹ thuật và quản lý môi trường.

Chương IV
HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, MỨC XỬ PHẠT TRONG HOẠT ĐỘNG THU GOM, VẬN CHUYỂN, TIẾP NHẬN VÀ XỬ LÝ BÙN HẦM CẦU, BÙN NẠO VÉT

Điều 17. Nguyên tắc và căn cứ xử phạt

Các hành vi vi phạm, hình thức và mức xử phạt, thẩm quyền xử phạt trong hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét được áp dụng theo các nội dung quy định tại Nghị định số 81/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Điều 18. Các hành vi vi phạm

Các đơn vị cung cấp dịch vụ, đơn vị xử lý khi có các hành vi vi phạm dưới đây thì tùy vào tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự:

1. Chuyển giao bùn hầm cầu, bùn nạo vét cho đơn vị không có chức năng xử lý đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt công nghệ xử lý.

2. Thu gom, vận chuyển bùn hầm cầu, bùn nạo vét không theo đúng quy định về bảo vệ môi trường (gây rò rỉ nước thải và chất thải trong quá trình thu gom, vận chuyển).

3. Thải bỏ bùn hầm cầu, bùn nạo vét tại địa điểm không phải là địa điểm xử lý tập trung hoặc thải bỏ vào hệ thống thoát nước và kênh rạch trên địa bàn thành phố.

4. Vận hành hệ thống xử lý không theo đúng quy trình công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định phê duyệt.

5. Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường (không đạt tiêu chuẩn về khí thải, nước thải, chất thải, mùi hôi) gây ô nhiễm môi trường.

6. Thực hiện không đúng một trong các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu khác trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trong quá trình hoạt động xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét.

7. Không thực hiện đầy đủ các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và các yêu cầu khác trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 19. Thẩm quyền xử phạt

Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải hầm cầu căn cứ theo Điều 33, 34, 35 Nghị định số 81/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Điều 20. Trình tự, thủ tục xử phạt

Trình tự thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển và xử lý chất bùn hầm cầu, bùn nạo vét căn cứ theo Điều 36 Nghị định số 81/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Chương V
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Điều 21. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét của tất cả các đơn vị trên địa bàn thành phố.

2. Chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng: Thanh tra Giao thông - Công chính, Công an thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn, Đội Quản lý trật tự đô thị thực hiện kiểm tra, thanh tra hoạt động các đơn vị trong việc tuân thủ các yêu cầu của Quy định này và theo quy định của pháp luật về đảm bảo vệ sinh môi trường và giữ gìn mỹ quan đô thị thành phố; ngăn ngừa, phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều 18 Quy định này.

3. Chủ trì tổ chức thẩm định phê duyệt quy trình công nghệ xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét của các đơn vị xử lý trên địa bàn thành phố.

4. Thực hiện xử phạt theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 81/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

5. Xây dựng kế hoạch, tiến hành kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước và những nhiệm vụ cụ thể về hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét được Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn tại Quy định này.

6. Tổ chức kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm có liên quan đến bùn hầm cầu, bùn nạo vét đã nêu tại Quy định này.

7. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất cho Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét của các đơn vị cung cấp dịch vụ, đơn vị xử lý trên địa bàn thành phố.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 22. Sở Giao thông - Công chính

1. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với hệ thống thoát nước và kênh rạch trên địa bàn thành phố; chỉ đạo lực lượng Thanh tra Giao thông - Công chính, các Khu Quản lý giao thông đô thị, Khu Đường sông phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện và các cơ quan có liên quan để thường xuyên theo dõi, kiểm tra, phát hiện kịp thời và xử lý đối với các hành vi vi phạm về đổ bỏ bùn hầm cầu, bùn nạo vét vào hệ thống thoát nước và các tuyến sông kênh rạch của các đơn vị hoạt động trên địa bàn thành phố.

2. Thực hiện xử phạt theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 81/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Điều 23. Công an thành phố

1. Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý đối với các hành vi vi phạm các quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét theo Điều 18 Quy định này.

2. Được sử dụng các biện pháp nghiệp vụ và sử dụng công cụ hỗ trợ để tiến hành cưỡng chế xử phạt trong trường hợp đơn vị vi phạm có hành vi chống trả và không chấp hành quyết định xử phạt theo quy định.

3. Tăng cường kiểm tra phương tiện thu gom, vận chuyển bùn hầm cầu, bùn nạo

vét trên các tuyến đường nội vi thành phố; phát hiện và xử phạt nghiêm minh đối với chủ phương tiện vận chuyển không đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị trong quá trình lưu thông vận chuyển bùn hầm cầu, bùn nạo vét trên đường phố.

4. Thực hiện xử phạt theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 81/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Điều 24. Ủy ban nhân dân quận - huyện

1. Ủy quyền cho Phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thủ tục và xác nhận trên tờ khai đăng ký cho các đơn vị cung cấp dịch vụ trên địa bàn quản lý theo trình tự quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy định này; Kiểm tra việc đảm bảo các điều kiện trong hoạt động của đơn vị cung cấp dịch vụ sau thời hạn đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy định này.

2. Căn cứ theo chức năng và thẩm quyền được phân cấp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường tại địa phương, Ủy ban nhân dân quận - huyện chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện chủ động phối hợp cùng Phòng Kinh tế quận - huyện, Đội Quản lý trật tự đô thị quận - huyện và Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn thường xuyên tổ chức kiểm tra việc tuân thủ các nội dung của Quy định này và các quy định hiện hành đối với hoạt động của các đơn vị cung cấp dịch vụ, đơn vị xử lý trên địa bàn quản lý.

3. Phối hợp với Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan tiến hành kiểm tra định kỳ (theo kế hoạch kiểm tra của Sở Tài nguyên và Môi trường) hoặc kiểm tra đột xuất (khi có yêu cầu cần thiết) đối với hoạt động của đơn vị cung cấp dịch vụ, đơn vị xử lý trên địa bàn quản lý.

4. Tuyên truyền, phổ biến việc thi hành các nội dung tại Quy định này và các quy định khác có liên quan; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật về hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét trên địa bàn quản lý.

5. Thực hiện xử phạt theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 81/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 06 tháng/lần hoặc đột xuất cho Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình quản lý hoạt động các đơn vị cung cấp dịch vụ, đơn vị xử lý hoạt động trên địa bàn quản lý.

Điều 25. Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn

1. Công bố và phổ biến rộng rãi nội dung của Quy định này đến tất cả các đơn vị cung cấp dịch vụ đang hoạt động trên địa bàn quản lý.

2. Rà soát, thống kê số lượng các đơn vị đang làm dịch vụ hút hầm cầu tại địa phương. Phát hành thông báo và yêu cầu các đơn vị dịch vụ liên hệ Phòng Tài nguyên và Môi trường để tiến hành khai đăng ký.

3. Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận - huyện và các cơ quan liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý đối với các hành vi vi phạm các quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét theo Điều 18 Quy định này.

4. Thực hiện xử phạt theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 81/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

5 Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 06 tháng/lần hoặc đột xuất cho Ủy ban nhân dân quận - huyện về tình hình quản lý hoạt động các đơn vị cung cấp dịch vụ, đơn vị xử lý hoạt động trên địa bàn quản lý.

Chương VI
KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 26. Khen thưởng

1. Nhà nước khuyến khích và có chính sách khen thưởng đối với tất cả các cá nhân, tổ chức chấp hành tốt các quy định bảo vệ môi trường trong hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét trên địa bàn thành phố.

2. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong quá trình hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét trái phép không tuân thủ đúng các nội dung tại Quy định này; tổ chức, cá nhân có hành vi gây ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động; có hành vi cản trở việc kiểm tra, thanh tra của các cơ quan chức năng; cản trở, chống đối và không chấp hành hình thức xử phạt vi phạm theo các nội dung của Quy định này hoặc các vi phạm khác theo quy định của pháp luật thì tùy thuộc mức độ vi phạm mà bị xử phạt

hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự và bồi thường thiệt hại gây ra (nếu có).

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Điều khoản thi hành

Căn cứ nội dung Quy định này, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ban - ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn theo chức năng và nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì vướng mắc, hoặc Chính phủ ban hành những văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến nội dung của Quy định này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở - ngành, đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

PHỤ LỤC 1

MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ THU GOM VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ BÙN HẦM CẦU, BÙN NẠO VÉT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 73/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ BÙN HẦM CẦU, BÙN NẠO VÉT

Kính gửi: Phòng Tài nguyên và Môi trường quận/huyện……..

I. Phần khai chung

1. Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:.....

.....

2. Địa chỉ văn phòng: ..... Số ĐT: ..... Số Fax: .....

3. Chứng minh nhân dân số (nếu là cá nhân):.....ngày cấp:..... nơi cấp.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....ngày cấp:.....nơi cấp.....

4. Tên cơ sở (nếu có):.....

5. Địa chỉ cơ sở:.....Số ĐT: .....Số Fax:.....

6. Họ tên người liên hệ:..... Số ĐT: .....

II. ……(1)……đã thực hiện đăng ký hoạt động dịch vụ

- Thu gom, vận chuyển bùn hầm cầu, bùn nạo vét ☐
- Xử lý bùn hầm cầu, bùn nạo vét ☐

tại Phòng Tài nguyên và Môi trường quận/huyện.....vào ngày……tháng…..năm……

7. Địa bàn đăng ký hoạt động :……(2)……

III. Danh mục trang thiết bị, phương tiện hành nghề

STT	Tên phương tiện, thiết bị	Số lượng	Họ tên cá nhân/tổ chức quản lý điều hành

IV. Danh sách cán bộ, công nhân hành nghề tại cơ sở

STT	Họ và tên/Số CMND/Địa chỉ cư trú	Trình độ học vấn	Công việc cụ thể tại cơ sở

V……..(1)……..cam kết tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động đồng thời chịu sự kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền và tuân thủ đúng hướng dẫn của cơ quan này trong quá trình hoạt động.

Tôi xin cam đoan những thông tin cung cấp trên đây là đúng sự thật. Đề nghị quý cơ quan xem xét hồ sơ và xác nhận hành nghề đăng ký.

……..(3)……..
Ký và ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu (nếu có)

XÁC NHẬN CỦA PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TUQ. CHỦ TỊCH
TRƯỞNG PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
…….(4)…….
(Ký và ghi rõ họ tên, chức danh)

Ghi chú

(1): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký

(2): Ghi rõ địa bàn hoạt động thu gom, vận chuyển

(3): Tên người đại diện của tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký

(4): Thủ trưởng cơ quan ký xác nhận đăng ký.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 74/2007/QĐ-UBND	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2007*

QUYẾT ĐỊNH
Về thành lập Trung tâm Y tế Dự phòng quận 7 trực thuộc Ủy ban nhân dân quận 7

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BYT-BNV ngày 12 tháng 4 năm 2005 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý Nhà nước về y tế ở địa phương;

Căn cứ Quyết định số 26/2005/QĐ-BYT ngày 09 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế Dự phòng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 7 tại Tờ trình số 11/TTr-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2007; của Giám đốc Sở Y tế tại Công văn số 1916/SYT-TCCB ngày 05 tháng 4 năm 2007 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 342/TTr-SNV ngày 03 tháng 5 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Trung tâm Y tế Dự phòng quận 7 trực thuộc Ủy ban nhân dân quận 7 trên cơ sở sắp xếp lại Trung tâm Y tế quận 7. Trung tâm Y tế Dự phòng quận 7 là đơn vị sự nghiệp y tế, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động và mở tài khoản ở Kho bạc Nhà nước theo quy định. Trụ sở đặt tại số 101 đường Nguyễn Thị Thập, phường Tân Phú, quận 7.

Trung tâm Y tế Dự phòng quận 7 chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban

nhân dân quận 7 và hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật của Sở Y tế.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm Y tế Dự phòng quận 7

1. Chức năng:

Trung tâm Y tế Dự phòng quận 7 có chức năng triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật về y tế dự phòng, phòng, chống HIV/AIDS, phòng, chống bệnh xã hội, an toàn vệ sinh thực phẩm, chăm sóc sức khỏe sinh sản và truyền thông giáo dục sức khỏe trên địa bàn quận.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật về y tế dự phòng, phòng, chống HIV/AIDS, phòng, chống bệnh xã hội, an toàn vệ sinh thực phẩm, chăm sóc sức khỏe sinh sản và truyền thông giáo dục sức khỏe trên cơ sở kế hoạch của thành phố và tình hình thực tế trên địa bàn quận trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Tổ chức thực hiện các hoạt động sau:

- Triển khai thực hiện các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật về phòng chống dịch, bệnh, HIV/AIDS, các bệnh xã hội, tai nạn thương tích, sức khỏe lao động và bệnh nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe môi trường, sức khỏe trường học, dinh dưỡng cộng đồng, an toàn vệ sinh thực phẩm, truyền thông giáo dục sức khỏe theo phân cấp và theo quy định của pháp luật;

- Trực tiếp quản lý, hướng dẫn và giám sát chuyên môn, kỹ thuật về các hoạt động thuộc lĩnh vực phụ trách và khám chữa bệnh thông thường đối với các trạm y tế phường, các cơ sở y tế trên địa bàn;

- Tham gia đào tạo, đào tạo lại, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực phụ trách cho cán bộ y tế thuộc đơn vị mình và nhân viên y tế phường;

- Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật về lĩnh vực liên quan;

- Quản lý và tổ chức triển khai thực hiện các dự án thuộc chương trình mục tiêu y tế quốc gia và các dự án khác được Sở Y tế phân công;

- Thực hiện quản lý cán bộ, chính sách, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và quản lý tài chính, tài sản của đơn vị theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện các chế độ thống kê, báo cáo theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Sở Y tế và Ủy ban nhân dân quận 7 giao.

Điều 3. Về Tổ chức bộ máy của Trung tâm Y tế Dự phòng quận 7

1. Trung tâm Y tế Dự phòng quận 7 do Giám đốc quản lý có từ hai đến ba Phó Giám đốc giúp việc Giám đốc.

Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 7 bổ nhiệm theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận 7.

Giám đốc Trung tâm Y tế Dự phòng quận 7 quyết định bổ nhiệm Trưởng, Phó các khoa, phòng và Trạm Y tế phường.

2. Các phòng chức năng, nghiệp vụ gồm:

a) Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị;

b) Phòng Kế hoạch - Tài chính;

c) Phòng Truyền thông giáo dục sức khỏe.

3. Các khoa chuyên môn gồm:

a) Khoa Kiểm soát dịch, bệnh, HIV/AIDS;

b) Khoa An toàn vệ sinh thực phẩm;

c) Khoa Y tế công cộng;

d) Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản;

đ) Khoa Xét nghiệm;

e) Khoa Dược;

g) Khoa Tham vấn hỗ trợ cộng đồng;

h) Liên chuyên khoa Lao, Tâm thần, Da liễu.

Điều 4. Về biên chế, định mức lao động và kinh phí hoạt động của Trung tâm Y tế Dự phòng quận 7 thực hiện theo quy định tại Quyết định số 26/2005/QĐ-BYT ngày 09 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành "Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế Dự phòng huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh" và do Ủy ban nhân dân thành phố giao theo chỉ tiêu biên chế sự nghiệp y tế quận 7 hàng năm.

Căn cứ Quyết định này và Quyết định số 26/2005/QĐ-BYT ngày 09 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 7 chỉ đạo việc xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Y tế Dự phòng quận 7 phù hợp với tình hình cụ thể tại địa phương.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 7, Giám đốc Trung tâm Y tế quận 7, Giám đốc Trung tâm Y tế Dự phòng quận 7 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 75/2007/QĐ-UBND	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2007*

QUYẾT ĐỊNH
Về thành lập Bệnh viện quận 7 trực thuộc Ủy ban nhân dân quận 7

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BYT-BNV ngày 12 tháng 4 năm 2005 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý Nhà nước về y tế ở địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Bệnh viện;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 7 tại Tờ trình số 11/TTr-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2007; của Giám đốc Sở Y tế tại Công văn số 1916/SYT-TCCB ngày 05 tháng 4 năm 2007 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 342/TTr-SNV ngày 03 tháng 5 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Bệnh viện quận 7 trực thuộc Ủy ban nhân dân quận 7 trên cơ sở sắp xếp lại Trung tâm Y tế quận 7. Bệnh viện quận 7 là đơn vị sự nghiệp y tế, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động và mở tài khoản ở Kho bạc Nhà nước theo quy định. Trụ sở đặt tại số 101 đường Nguyễn Thị Thập, phường Tân Phú, quận 7.

Bệnh viện quận 7 chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân quận 7 và hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật của Sở Y tế.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ của Bệnh viện quận 7

1. Cấp cứu - Khám bệnh - Chữa bệnh:

a) Tiếp nhận tất cả các trường hợp người bệnh từ ngoài vào hoặc từ các cơ sở y tế chuyển đến để cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh nội trú hoặc ngoại trú;

b) Tổ chức khám sức khỏe và chứng nhận sức khỏe theo quy định của Nhà nước;

c) Có trách nhiệm giải quyết toàn bộ bệnh thông thường về nội khoa và các trường hợp cấp cứu về ngoại khoa;

d) Tổ chức giám định sức khỏe khi có yêu cầu;

đ) Tổ chức chuyển người bệnh lên tuyến trên khi vượt quá khả năng của Bệnh viện.

2. Đào tạo cán bộ y tế:

a) Bệnh viện là cơ sở thực hành cho các trường, lớp trung học y tế;

b) Tổ chức đào tạo liên tục cho các thành viên trong Bệnh viện và cơ sở y tế tuyến dưới để nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng quản lý chăm sóc sức khỏe ban đầu.

3. Nghiên cứu khoa học về y học:

a) Tổ chức tổng kết, đánh giá các đề tài và chương trình về chăm sóc sức khỏe ban đầu;

b) Tham gia các công trình nghiên cứu về y tế cộng đồng và dịch tễ học trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu;

c) Nghiên cứu áp dụng y học cổ truyền và phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc.

4. Chỉ đạo tuyến dưới về chuyên môn, kỹ thuật:

a) Lập kế hoạch và chỉ đạo y tế cơ sở thực hiện các phác đồ chẩn đoán và điều trị;

b) Tổ chức chỉ đạo các phường thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu và thực hiện các chương trình y tế ở địa phương.

5. Phòng bệnh:

a) Phối hợp với các cơ sở y tế dự phòng thường xuyên thực hiện nhiệm vụ phòng bệnh, phòng dịch;

b) Tuyên truyền, giáo dục sức khỏe cho cộng đồng.

6. Hợp tác quốc tế:

Tham gia các chương trình hợp tác với các tổ chức và cá nhân ngoài nước theo quy định của Nhà nước.

7. Quản lý kinh tế y tế:

a) Có kế hoạch sử dụng hiệu quả cao ngân sách Nhà nước cấp và các nguồn kinh phí;

b) Tạo thêm nguồn kinh phí từ các dịch vụ y tế: Viện phí, bảo hiểm y tế, đầu tư nước ngoài và các tổ chức kinh tế;

c) Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về thu, chi ngân sách của bệnh viện.

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Bệnh viện quận 7 do Giám đốc phụ trách, có từ hai đến ba Phó Giám đốc giúp việc Giám đốc.

Giám đốc, Phó Giám đốc Bệnh viện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 7 bổ nhiệm theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận.

Giám đốc Bệnh viện quận 7 quyết định bổ nhiệm Trưởng, Phó các khoa, phòng trực thuộc Bệnh viện.

2. Các phòng chức năng:

a) Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị;

b) Phòng Kế hoạch tổng hợp và Vật tư - Thiết bị y tế;

c) Phòng Tài chính - Kế toán.

3. Các khoa:

a) Khoa khám bệnh;

b) Khoa Hồi sức cấp cứu;

c) Khoa Nội tổng hợp;

d) Khoa Ngoại tổng hợp;

đ) Khoa Phụ sản;

e) Khoa Nhi;

g) Khoa Chẩn đoán hình ảnh;

h) Khoa Chống nhiễm khuẩn;

i) Khoa Xét nghiệm;

k) Khoa Dược;

l) Liên chuyên khoa Tai mũi họng - Răng hàm mặt - Mắt.

Điều 4. Về biên chế của Bệnh viện quận 7 do Ủy ban nhân dân quận 7 bố trí trên cơ sở chỉ tiêu biên chế sự nghiệp y tế do Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm.

Căn cứ Quyết định này và Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19 tháng 9 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế Bệnh viện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 7 chỉ đạo việc xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện quận 7 phù hợp với tình hình cụ thể tại địa phương.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 6. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 7, Giám đốc Trung tâm Y tế quận 7, Giám đốc Bệnh viện quận 7 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

QUẬN 2

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 2	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10/2007/NQ-HĐND	*Quận 2, ngày 04 tháng 5 năm 2007*

NGHỊ QUYẾT

Về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của quận 2 và các phường Bình An, Bình Khánh, An Phú, Thảo Điền, Bình Trưng Đông, Bình Trưng Tây, Thạnh Mỹ Lợi, Cát Lái (trừ phường An Lợi Đông, An Khánh, Thủ Thiêm thuộc dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 2
KHÓA III, KỲ HỌP LẦN THỨ 10 (BẤT THƯỜNG)
(Ngày 04 tháng 5 năm 2007)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét Tờ trình số 29/TTr-UBND-TNMT ngày 24 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của quận 2 và 8 phường; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân quận và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân quận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí nội dung Tờ trình số 29/TTr-UBND-TNMT ngày 24 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của quận 2 và phường Bình An, Bình Khánh, An Phú, Thảo Điền, Bình Trưng Đông, Bình Trưng Tây, Thạnh Mỹ Lợi, Cát Lái (trừ phường An Lợi Đông, An Khánh, Thủ Thiêm thuộc dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm). Trong đó:

- Về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020:

1. Hội đồng nhân dân quận đồng ý những nhận định về công tác quản lý đất đai, tình hình sử dụng và biến động đất đai trên địa bàn quận 2 giai đoạn từ 2000 - 2005. Lưu ý, đến những tồn tại trong kế hoạch sử dụng đất để có biện pháp khắc phục.

2. Đồng ý chọn phương án 1 là phương án sử dụng đất theo hướng phát triển bền vững, mức độ khai thác sử dụng quỹ đất... hợp lý phù hợp với tình hình thực tế của quận 2.

- Về Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010):

1. Đề nghị Ủy ban nhân dân quận cần có những giải pháp đồng bộ hiệu quả trong việc triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010).

2. Hạn chế việc đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố giao đất để đầu tư xây dựng các công trình, dự án khi chưa có kế hoạch triển khai cụ thể, chưa có đối tác đầu tư và chưa có vốn.

3. Định kỳ hàng năm có kiểm tra đánh giá việc quản lý sử dụng đất, báo cáo Hội đồng nhân dân theo quy định.

Điều 2. Ủy ban nhân dân quận phải tổ chức công bố quy hoạch, tuyên truyền, phổ biến công khai rộng rãi quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của quận 2 và phường Bình An, Bình Khánh, An Phú, Thảo Điền, Bình Trưng Đông, Bình Trưng Tây, Thạnh Mỹ Lợi, Cát Lái trong cán bộ công chức và nhân dân sau khi quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Thường trực Hội đồng nhân dân, 2 Ban Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tăng cường hoạt động giám sát việc thực hiện Nghị quyết về quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn quận 2.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 2 khóa III, kỳ họp lần thứ 10 (bất thường) thông qua ngày 04 tháng 5 năm 2007./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Phước

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **QUẬN 2**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2007/NQ-HĐND	*Quận 2, ngày 04 tháng 5 năm 2007*

NGHỊ QUYẾT

Về quy hoạch các ngành nghề kinh doanh vũ trường, karaoke, quán bar, dịch vụ xoa bóp và cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn quận 2 đến năm 2010

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 2
KHÓA III, KỲ HỌP LẦN THỨ 10 (BẤT THƯỜNG)
(Ngày 04 tháng 5 năm 2007)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Chỉ thị số 35/2006/CT-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về xây dựng quy hoạch các ngành nghề kinh doanh vũ trường, karaoke, quán bar, dịch vụ xoa bóp và cơ sở lưu trú du lịch; cổ động chính trị và quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố giai đoạn 2006 - 2010;

Căn cứ Công văn số 735/CV-SVHTT ngày 23 tháng 3 năm 2007 của Sở Văn hóa và Thông tin thành phố Hồ Chí Minh về việc nộp quy hoạch các ngành nghề kinh doanh nhạy cảm giai đoạn 2006 - 2010;

Xét Tờ trình số 31/TTr-UBND-VHTT ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận về quy hoạch các ngành nghề kinh doanh vũ trường, karaoke, quán bar, dịch vụ xoa bóp và cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn quận 2 đến năm 2010; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân quận và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân quận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua nội dung Tờ trình số 31/TTr-UBND-VHTT ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận về quy hoạch các ngành nghề kinh doanh vũ trường, karaoke, quán bar, dịch vụ xoa bóp và cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn quận 2 đến năm 2010.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân quận tổ chức công bố quy hoạch, tuyên truyền, phổ biến công khai và tổ chức thực hiện quy hoạch 5 ngành nghề karaoke, vũ trường, quán bar, dịch vụ xoa bóp, cơ sở lưu trú du lịch đến năm 2010 trong cán bộ công chức và nhân dân sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Định kỳ hàng năm có kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quy hoạch và báo cáo Hội đồng nhân dân theo quy định. Thường trực Hội đồng nhân dân, 2 Ban Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tăng cường hoạt động giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 2 khóa III, kỳ họp lần thứ 10 (bất thường) thông qua ngày 04 tháng 5 năm 2007./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Phước

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản
Điện thoại: 38.233.686
Fax: (84.8) 38.233.694
Email: ttcb@tphcm.gov.vn
Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn
In tại Công ty TNHH 1 thành viên in Người Lao Động
Giá: 5.000 đồng